

Số/No.: 18/2025/TB CBTT-ASP

Tp.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Ho Chi Minh City, April 29, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: **ASP**
- Địa chỉ : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Address : Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan Phu Ward, District 7, Hochiminh City
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
Consolidated financial statement for the first quarter 2025 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/04/2025 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website on April 29, 2025, as in the link: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2025
Consolidated financial statement for the first quarter of 2025.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



TRẦN DUY LUÂN



Số: 47/2025_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh Hợp Nhất quý I/2025

Tp Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính Hợp Nhất Quý 1 và kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất đạt được trong Quý 1 năm 2025 của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế tăng với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của Quý 1 năm 2025 tăng so với Quý 1 năm 2024 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Quý I		Tăng/ giảm (VNĐ)
	Năm 2025	Năm 2024	
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.153.831.120	81.392.498.456	3.761.332.664
2 Doanh thu hoạt động tài chính	2.032.670.208	2.429.038.293	(396.368.085)
3 Chi phí tài chính	7.101.699.276	14.097.925.164	(6.996.225.888)
4 Chi phí bán hàng	54.801.262.499	52.903.581.843	1.897.680.656
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.317.949.738	24.870.838.822	(1.552.889.084)
6 Lợi nhuận khác	3.131.784.852	1.128.457.550	2.003.327.302
7 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.646.125.592	(7.273.587.790)	11.919.713.382
8 Chi phí thuế TNDN hiện hành	997.714.124	-	997.714.124
9 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.527.266.497	(7.347.405.964)	10.874.672.461

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp tăng 3.761.332.664 đồng nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn mua hàng giảm so với cùng kỳ.
 - Doanh thu tài chính giảm 396.368.085 đồng nguyên nhân do lãi chênh lệch tỉ giá giảm so với cùng kỳ
 - Chi phí tài chính giảm 6.996.225.888 đồng nguyên nhân chủ yếu do lỗ chênh lệch tỉ giá và lỗ do mất kiểm soát Công ty con giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí bán hàng tăng 1.897.680.656 đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi mua vỏ bình gas, chi phí sơn sửa kiểm định vỏ bình gas và chi phí dịch vụ mua ngoài tăng so với cùng kỳ.
 - Chi phí quản lý giảm 1.552.889.084 đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lương, chi phí phân bổ lợi thế thương mại, chi phí khấu hao tài sản cố định giảm so với cùng kỳ.
 - Lợi nhuận khác khác tăng 2.003.327.302 đồng nguyên nhân chủ yếu là do thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng tăng so với cùng kỳ.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của Quý 1/2025 tăng 10.847.672.461 đồng so với Quý 1/2024.

Trân trọng.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



坂本晋一郎

SAKAMOTO SHINICHIRO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Kobayhashi Naoki	Tổng Giám đốc
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 31/3/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Sakamoto Shinichiro

Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 46/2024/GUQ-ASP ngày 27/6/2024 của Tổng Giám đốc)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/3/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		736.634.916.920	809.260.745.299
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	138.386.434.697	189.235.485.622
1. Tiền	111		78.386.434.697	129.235.485.622
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	22.200.000.000	20.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.200.000.000	20.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		481.072.096.535	512.293.093.307
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	519.004.410.889	524.959.435.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	10.534.528.361	11.831.984.414
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	5.450.000.000	20.925.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	15.771.522.661	24.265.038.419
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(69.699.715.604)	(69.699.715.604)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.350.228	11.350.228
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	67.812.610.258	68.517.151.486
1. Hàng tồn kho	141		73.305.491.290	74.010.032.518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.492.881.032)	(5.492.881.032)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.163.775.430	19.015.014.884
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	18.992.453.234	6.926.165.194
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.219.598.151	7.115.568.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	4.951.724.045	4.973.281.180

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/3/2025	01/01/2025
			VND	VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		741.542.560.109	751.074.152.640
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.269.948.590	39.267.098.590
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	19.737.320.000	13.737.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	25.532.628.590	25.529.778.590
II. Tài sản cố định	220		102.901.671.737	109.444.419.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	21.271.312.343	25.869.602.965
- Nguyên giá	222		174.182.111.781	181.688.829.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(152.910.799.438)	(155.819.226.811)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	81.630.359.394	83.574.816.248
- Nguyên giá	228		108.245.491.549	108.165.491.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.615.132.155)	(24.590.675.301)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	128.435.991.099	129.167.240.172
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		128.435.991.099	129.167.240.172
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.340.000.000	16.340.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.340.000.000)	(16.340.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		464.934.948.683	473.195.394.665
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	461.580.713.278	469.574.901.391
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	2.774.840.985	2.895.985.956
3. Lợi thế thương mại	269	5.14	579.394.420	724.507.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.478.177.477.029	1.560.334.897.939

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

				31/3/2025	01/01/2025
NGUỒN VỐN	MS	TM	VND		VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.167.549.977.496		1.253.234.664.905
I. Nợ ngắn hạn	310		1.122.510.448.092		1.198.593.325.555
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	552.973.231.266		593.987.591.296
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.778.818.924		4.040.488.007
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	5.559.180.193		2.134.797.024
4. Phải trả người lao động	314		8.724.741.573		8.201.810.313
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.434.801.508		3.300.454.775
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	-		90.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	9.998.045.288		5.192.338.993
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	539.479.495.538		581.083.711.345
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802		562.133.802
II. Nợ dài hạn	330		45.039.529.404		54.641.339.350
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	10.348.453.031		10.658.453.030
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	17.663.529.499		19.545.549.446
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	-		7.409.790.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.13	17.027.546.874		17.027.546.874
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		310.627.499.533		307.100.233.034
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	310.627.499.533		307.100.233.034
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000		373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000		373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000		1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)		(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116		306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(70.330.741.293)		(74.017.361.672)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(74.026.929.102)		(81.146.787.427)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.696.187.809		7.129.425.755
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.822.942.610		5.982.296.490
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.478.177.477.029		1.560.334.897.939

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc




Sakamoto Shinichiro

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối	
			Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	755.304.300.379	934.580.791.751	755.304.300.379	934.580.791.751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	20.099.763.872	3.853.886.604	20.099.763.872	3.853.886.604
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	735.204.536.507	930.726.905.147	735.204.536.507	930.726.905.147
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	650.050.705.387	849.334.406.691	650.050.705.387	849.334.406.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		85.153.831.120	81.392.498.456	85.153.831.120	81.392.498.456
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.032.670.208	2.429.038.293	2.032.670.208	2.429.038.293
7. Chi phí tài chính	22	6.4	7.101.699.276	14.097.925.164	7.101.699.276	14.097.925.164
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.726.497.475	5.386.911.744	6.726.497.475	5.386.911.744
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(451.249.075)	(351.236.260)	(451.249.075)	(351.236.260)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	54.801.262.499	52.903.581.843	54.801.262.499	52.903.581.843
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	23.317.949.738	24.870.838.822	23.317.949.738	24.870.838.822
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		1.514.340.740	(8.402.045.340)	1.514.340.740	(8.402.045.340)
12. Thu nhập khác	31	6.7	3.470.788.040	1.435.918.618	3.470.788.040	1.435.918.618
13. Chi phí khác	32	6.7	339.003.188	307.461.068	339.003.188	307.461.068
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	3.131.784.852	1.128.457.550	3.131.784.852	1.128.457.550

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

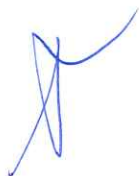
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

CHỈ TIÊU	MS TM	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối	
		Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50	4.646.125.592	(7.273.587.790)	4.646.125.592	(7.273.587.790)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 6.8	997.714.124	-	997.714.124	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52 6.9	121.144.971	73.818.174	121.144.971	73.818.174
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60	3.527.266.497	(7.347.405.964)	3.527.266.497	(7.347.405.964)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	3.696.187.809	(7.294.446.912)	3.696.187.809	(7.294.446.912)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(168.921.312)	(52.959.052)	(168.921.312)	(52.959.052)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 6.10	99	(195)	99	(195)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối	
			Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.646.125.592	(7.273.587.790)	4.646.125.592	(7.273.587.790)
2. Điều chỉnh cho các khoản						
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.398.544.123	6.923.563.862	4.398.544.123	6.923.563.862
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.900.000	(2.512.800.000)	2.900.000	(2.512.800.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.813.261.563)	3.312.974.344	(1.813.261.563)	3.312.974.344
- Chi phí lãi vay	06		6.726.497.475	5.386.911.744	6.726.497.475	5.386.911.744
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.960.805.627	5.837.062.160	13.960.805.627	5.837.062.160
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.918.277.004	118.393.988.597	13.918.277.004	118.393.988.597
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		704.541.228	(20.395.516.250)	704.541.228	(20.395.516.250)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(28.575.200.593)	(91.173.036.869)	(28.575.200.593)	(91.173.036.869)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.072.099.927)	(76.190.984.199)	(4.072.099.927)	(76.190.984.199)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.116.475.427)	(6.205.915.799)	(7.116.475.427)	(6.205.915.799)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.703.217.181)	(1.357.306.053)	(8.703.217.181)	(1.357.306.053)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.883.369.269)	(71.091.708.413)	(19.883.369.269)	(71.091.708.413)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(125.909.091)	(5.490.878.000)	(125.909.091)	(5.490.878.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.525.329.767	658.867.849	3.525.329.767	658.867.849
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(50.000.000.000)	(2.000.000.000)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.475.000.000	475.000.000	15.475.000.000	475.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.543.523.669)	-	(5.543.523.669)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		280.000.000	-	280.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		896.803.475	818.494.978	896.803.475	818.494.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.051.224.151	(59.082.038.842)	18.051.224.151	(59.082.038.842)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối	
			Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
			VND	VND	VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ đi vay	33		390.300.821.735	810.058.794.413	390.300.821.735	810.058.794.413
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(439.317.727.542)	(809.059.953.804)	(439.317.727.542)	(809.059.953.804)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(49.016.905.807)</i>	<i>998.840.609</i>	<i>(49.016.905.807)</i>	<i>998.840.609</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(50.849.050.925)	(129.174.906.646)	(50.849.050.925)	(129.174.906.646)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		189.235.485.622	215.989.245.836	189.235.485.622	215.989.245.836
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	138.386.434.697	86.814.339.190	138.386.434.697	86.814.339.190

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Người lập biểu

Lai Văn Tú

Kế toán trưởng

Lai Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/03/2025 là 664 người (tại ngày 31/3/2025 là 626 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo như công bố trên Công thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/3/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,56%	98,56%	98,56%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (i)	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
4	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
5	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia (ii)	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-DHG ngày 15/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (“Công ty Đức Hải”), Công ty Đức Hải đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.

(ii) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty TNHH MTV Minh Gia tạm ngưng hoạt động theo Thông báo số 156/2024/TB-MG ngày 26/11/2024. Đồng thời, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
	Các Công ty liên kết					
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Khối 2, Phường Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Ấp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	39 Đường số 2, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
9	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	168 Nguyễn Sắc Kim, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,54%	40,54%	40,54%
10	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,73%	40,73%	40,73%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

- Các khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/3/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải thu (Phải thu khách hàng): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/3/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/3/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Nhóm tài sản	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất bao gồm các địa điểm sau đây:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (thời hạn sử dụng đất đến ngày 09/02/2051);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/01/2061);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (thời hạn sử dụng đất đến ngày 13/7/2057);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (thời hạn sử dụng đất đến ngày 02/6/2048).

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh mua LPG

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ chai LPG (vỏ bình Gas)

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG

Giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các Công ty con của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời hạn 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Chi phí khác: Trích trước khi Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa nhận được hóa đơn hoặc có hồ sơ có liên quan.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các hàng hóa khác), doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas

Hàng năm, Công ty thực hiện quyết toán tiền ký cược vỏ bình gas và phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.962.291.042	2.272.036.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.180.401.271	126.927.564.038
Tiền đang chuyển (i)	243.742.384	35.885.466
Các khoản tương đương tiền (ii)	60.000.000.000	60.000.000.000
Tổng	138.386.434.697	189.235.485.622

- (i) Khoản tiền Công ty đã nộp vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo có của Ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, với lãi suất áp dụng là 4,2%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/3/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	22.200.000.000	22.200.000.000	20.200.000.000	20.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	22.200.000.000	22.200.000.000	20.200.000.000	20.200.000.000
Tổng	22.200.000.000	22.200.000.000	20.200.000.000	20.200.000.000

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng là 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/3/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết			147.639.930.405		128.435.991.099	147.639.930.405		129.167.240.172
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	(i)	15.770.239.860	10.725.395.625	(i)	16.185.089.150
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	-	1.470.000.000	(i)	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	-	2.385.320.000	(i)	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	-	7.513.340.000	(i)	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	796.485.252	2.940.000.000	(i)	1.290.516.538
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	10.838.191.139	13.650.000.000	(i)	10.705.749.189
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	16.333.217.487	34.000.000.000	(i)	16.291.534.559
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	15.830.241.998	20.000.000.000	(i)	16.211.366.280
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung	40,54%	40,54%	19.256.500.000	(i)	17.476.150.888	19.256.500.000	(i)	17.476.150.888
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	40,73%	40,73%	35.699.374.780	41.286.546.500	51.391.464.475	35.699.374.780	31.922.587.500	51.006.833.568
Tổng			147.639.930.405		128.435.991.099	147.639.930.405		129.167.240.172

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ Vốn nắm giữ Quyền biểu quyết	31/3/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác		16.340.000.000		(16.340.000.000)	16.340.000.000		(16.340.000.000)
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông		9.600.000.000	(i)	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(i)	(9.600.000.000)
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng		6.740.000.000	(i)	(6.740.000.000)	6.740.000.000	(i)	(6.740.000.000)
Tổng		16.340.000.000		(16.340.000.000)	16.340.000.000		(16.340.000.000)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/3/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 31/3/2025. Cụ thể, tại ngày 31/3/2025, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 9.700 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu.

Các giao dịch với các Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 7.2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/3/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú	19.244.253.288	22.916.343.615
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	30.502.150.756	30.017.648.777
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	16.960.749.850	21.242.915.418
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	5.170.175.621	7.253.189.744
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	4.892.071.964	5.590.538.653
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	10.831.156.664	8.401.831.451
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	12.182.435.353	8.680.426.623
Công ty TNHH Hải Linh	18.224.238.752	9.111.152.900
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	21.879.172.788	14.639.989.743
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	1.937.092.369	7.528.303.493
Công ty Cổ phần MT Gas	35.428.713.634	43.934.711.764
Các đối tượng khác	341.752.199.850	345.642.383.669
Tổng	519.004.410.889	524.959.435.850
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>163.411.325.035</i>	<i>201.505.617.902</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/3/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Các đối tượng khác	4.754.887.643	6.052.343.696
Tổng	10.534.528.361	11.831.984.414
<i>Trong đó,</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>-</i>	<i>24.995.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.5 Phải thu về cho vay

	31/3/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.450.000.000	20.925.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (i)	-	475.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vi Na	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas (iii)	1.450.000.000	1.450.000.000
b) Dài hạn	19.737.320.000	13.737.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (v)	14.217.320.000	8.217.320.000
Tổng	25.187.320.000	34.662.320.000
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại</i>	<i>21.187.320.000</i>	<i>30.662.320.000</i>
<i>Thuyết minh số 7.2)</i>		

(i) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 01 tháng 01 hàng năm dương lịch.

(ii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 31/3/2025, được gia hạn đến ngày 31/12/2025 theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐVV/ASP-TP/2024 ngày 01/7/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.6 Phải thu khác

	31/3/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	15.771.522.661	(1.830.982.971)	24.265.038.419	(1.830.982.971)
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	495.914.106	-	238.311.368	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	5.639.000.000	-	5.639.000.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	290.542.610	-	321.652.568	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.182.974.776	(1.108.532.983)	7.264.476.800	(1.108.532.983)
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	2.629.679.000	-	2.659.379.000	-
Ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	1.389.154.904	-	889.195.480	-
Ông Ngô Mạnh Hùng	-	-	6.000.000.000	-
Các khoản khác	744.257.265	(722.449.988)	853.023.203	(722.449.988)
b) Dài hạn	25.532.628.590	-	25.529.778.590	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	25.347.628.589	-	25.344.778.589	-
Ông Trần Quốc Bửu (iii)	185.000.001	-	185.000.001	-
Tổng	41.304.151.251	(1.830.982.971)	49.794.817.009	(1.830.982.971)
<i>Trong đó,</i>				
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>1.817.247.644</i>	<i>-</i>	<i>853.709.177</i>	<i>-</i>

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.7 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/3/2025 (VND)			Thời gian quá hạn	01/01/2025 (VND)		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng		61.976.303.793	1.186.795.136	(60.789.508.657)		61.976.303.793	1.186.795.136	(60.789.508.657)
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	Trên 3 năm	16.905.567.752	-	(16.905.567.752)	Trên 3 năm	16.905.567.752	-	(16.905.567.752)
Các khách hàng nhận chuyển giao từ Công ty Gia Định	Trên 3 năm	12.034.838.292	-	(12.034.838.292)	Trên 3 năm	12.034.838.292	-	(12.034.838.292)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	33.035.897.749	1.186.795.136	(31.849.102.613)	Trên 3 năm	33.035.897.749	1.186.795.136	(31.849.102.613)
Trả trước cho người bán		7.079.223.976	-	(7.079.223.976)		7.079.223.976	-	(7.079.223.976)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.299.583.258	-	(1.299.583.258)		1.299.583.258	-	(1.299.583.258)
Phải thu khác		1.830.982.971	-	(1.830.982.971)		1.830.982.971	-	(1.830.982.971)
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	Trên 3 năm	1.108.532.983	-	(1.108.532.983)	Trên 3 năm	1.108.532.983	-	(1.108.532.983)
Phải thu khác	Trên 3 năm	722.449.988	-	(722.449.988)	Trên 3 năm	722.449.988	-	(722.449.988)
Tổng		70.886.510.740	1.186.795.136	(69.699.715.604)		70.886.510.740	1.186.795.136	(69.699.715.604)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.8 Hàng tồn kho

	31/3/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	971.367.841	(122.292)	908.860.119	(122.292)
Công cụ, dụng cụ	2.695.344.376	(121.352.000)	6.827.287.758	(121.352.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.591.412.494	-	555.956.690	-
Hàng hóa	67.047.366.579	(5.371.406.740)	65.717.927.951	(5.371.406.740)
Tổng	73.305.491.290	(5.492.881.032)	74.010.032.518	(5.492.881.032)

5.9 Chi phí trả trước

	31/3/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	18.992.453.234	6.926.165.194
Chi phí bảo lãnh mua LPG	2.557.617.794	309.995.157
Chi phí sửa chữa	-	154.135.001
Chi phí thuê mặt bằng	3.801.351.500	1.989.741.704
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	675.192.146	912.766.554
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.958.291.794	3.559.526.778
b) Dài hạn	461.580.713.278	469.574.901.391
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	167.924.256.344	179.924.103.312
Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay van chai LPG	65.488.315.567	63.078.559.840
Chi phí thuê kho bãi	2.550.600.000	3.499.200.000
Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (ii)	214.434.650.648	221.525.526.606
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.182.890.719	1.547.511.633
Tổng	480.573.166.512	476.501.066.585

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các con của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/03/2025
Phải nộp	2.134.797.024	52.133.345.506	48.708.962.337	5.559.180.193
Thuế giá trị gia tăng	1.212.588.181	35.201.420.569	33.847.087.912	2.566.920.838
Thuế xuất, nhập khẩu	149.296.480	6.905.160.833	5.116.814.522	1.937.642.791
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	59.753.639	8.677.081.657	8.703.217.181	33.618.115
Thuế thu nhập cá nhân	713.158.724	1.046.535.802	738.696.077	1.020.998.449
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	303.146.645	303.146.645	-
Phải thu	4.973.281.180	26.357.135	4.800.000	4.951.724.045
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	85.302.398	14.713.196	4.800.000	75.389.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.846.628.494	-	-	4.846.628.494
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	11.643.939	11.643.939	-	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác nộp thừa	16.500.000	-	-	16.500.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác nộp thừa	13.206.349	-	-	13.206.349



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	29.329.972.777	81.721.328.624	63.893.894.952	6.705.503.423	38.130.000	181.688.829.776
Tăng trong kỳ	-	-	-	45.909.091	-	45.909.091
Mua trong kỳ	-	-	-	45.909.091	-	45.909.091
Giảm trong kỳ	-	-	(7.552.627.086)	-	-	(7.552.627.086)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.552.627.086)	-	-	(7.552.627.086)
Số dư tại ngày 31/3/2025	29.329.972.777	81.721.328.624	56.341.267.866	6.751.412.514	38.130.000	174.182.111.781
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	24.258.861.470	74.753.473.817	50.564.422.400	6.204.339.124	38.130.000	155.819.226.811
Tăng trong kỳ	567.325.218	577.388.402	1.014.312.443	69.948.308	-	2.228.974.371
Khấu hao trong kỳ	567.325.218	577.388.402	1.014.312.443	69.948.308	-	2.228.974.371
Giảm trong kỳ	-	-	(5.137.401.744)	-	-	(5.137.401.744)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.137.401.744)	-	-	(5.137.401.744)
Số dư tại ngày 31/3/2025	24.826.186.688	75.330.862.219	46.441.333.099	6.274.287.432	38.130.000	152.910.799.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	5.071.111.307	6.967.854.807	13.329.472.552	501.164.299	-	25.869.602.965
Tại ngày 31/3/2025	4.503.786.089	6.390.466.405	9.899.934.767	477.125.082	-	21.271.312.343

Ô định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/3/2025 là 90.260.890.092 VND (tại ngày 01/01/2025: 92.032.530.514 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.12 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	77.003.448.071	31.162.043.478	108.165.491.549
Tăng trong kỳ	-	80.000.000	80.000.000
Mua trong kỳ	-	80.000.000	80.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/3/2025	77.003.448.071	31.242.043.478	108.245.491.549
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	11.623.487.137	12.967.188.164	24.590.675.301
Tăng trong kỳ	527.934.738	1.496.522.116	2.024.456.854
Khấu hao trong kỳ	527.934.738	1.496.522.116	2.024.456.854
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/3/2025	12.151.421.875	14.463.710.280	26.615.132.155
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	65.379.960.934	18.194.855.314	83.574.816.248
Tại ngày 31/3/2025	64.852.026.196	16.778.333.198	81.630.359.394

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/3/2025 là 718.343.000 VND (tại ngày 01/01/2025: 718.343.000 VND).

5.13 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/3/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.774.840.985	2.895.985.956
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.774.840.985	2.895.985.956
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	17.027.546.874	17.027.546.874
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.027.546.874	17.027.546.874
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.14 Lợi thế thương mại

a. Chi tiết lợi thế thương mại

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	246.690.437	382.297.507
Các công ty con khác	332.703.983	342.209.811
Tổng	579.394.420	724.507.318

b. Biến động của lợi thế thương mại trong kỳ

	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Giá gốc của lợi thế thương mại tại đầu năm	108.970.707.625	116.309.727.506
Số đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến đầu năm	(108.246.200.307)	(107.043.694.457)
Số phân bổ vào chi phí trong năm	(145.112.898)	(1.608.072.732)
Giảm do mất kiểm soát Công ty con		(3.852.985.438)
Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối năm	579.394.420	3.804.974.879

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/3/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	193.728.862.429	193.728.862.429	291.565.147.848	291.565.147.848
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	78.083.464.015	78.083.464.015	55.289.415.005	55.289.415.005
E1 Corporation	184.933.599.793	184.933.599.793	183.748.231.975	183.748.231.975
Phải trả người bán khác	96.227.305.029	96.227.305.029	63.384.796.468	63.384.796.468
Tổng	552.973.231.266	552.973.231.266	593.987.591.296	593.987.591.296

Trong đó,

Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

	113.880.874	113.880.874	814.088.237	814.088.237
--	-------------	-------------	-------------	-------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.16 Chi phí phải trả

	31/3/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	587.928.112	977.906.064
Trích trước chi phí khác	-	2.182.079.271
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	846.873.396	140.469.440
Tổng	1.434.801.508	3.300.454.775
<i>Trong đó,</i>		
<i>Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>-</i>	<i>1.599.088.419</i>

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/3/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	90.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản nhận được	-	90.000.000
b) Dài hạn	10.348.453.031	10.658.453.030
Lợi nhuận chưa thực hiện của giao dịch bán tài sản dài hạn cho công ty liên kết	10.348.453.031	10.658.453.030
Tổng	10.348.453.031	10.748.453.030

5.18 Phải trả khác

	31/3/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.998.045.288	5.192.338.993
Tài sản thừa chờ giải quyết	18.087.400	17.940.835
Kinh phí công đoàn	336.437.023	184.183.923
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	366.743.763	327.274.465
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.374.800.000	54.000.000
Cổ tức phải trả	885.420.764	885.420.764
Chiết khấu phải trả	2.025.811.520	274.451.591
Phải trả ngắn hạn khác	1.990.744.818	3.449.067.415
b) Dài hạn	17.663.529.499	19.545.549.446
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.663.529.499	19.545.549.446
Tổng	27.661.574.787	24.737.888.439
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>11.219.365.000</i>	<i>11.350.716.250</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/3/2025 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	539.479.495.538	539.479.495.538	397.713.511.735	439.317.727.542	581.083.711.345	581.083.711.345
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>524.573.495.538</i>	<i>524.573.495.538</i>	<i>389.569.941.735</i>	<i>404.687.537.542</i>	<i>539.691.091.345</i>	<i>539.691.091.345</i>
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	277.919.512.717	277.919.512.717	282.915.771.021	199.926.770.607	194.930.512.303	194.930.512.303
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	31.767.843.800	31.767.843.800	31.767.843.800	61.033.446.048	61.033.446.048	61.033.446.048
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	214.886.139.021	214.886.139.021	74.886.326.914	143.727.320.887	283.727.132.994	283.727.132.994
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>14.906.000.000</i>	<i>14.906.000.000</i>	<i>8.143.570.000</i>	<i>34.630.190.000</i>	<i>41.392.620.000</i>	<i>41.392.620.000</i>
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	-	-	83.000.000	5.193.200.000	5.110.200.000	5.110.200.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	14.906.000.000	14.906.000.000	8.060.570.000	29.436.990.000	36.282.420.000	36.282.420.000
b) Các khoản vay dài hạn	-	-	-	7.409.790.000	7.409.790.000	7.409.790.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	-	-	-	7.409.790.000	7.409.790.000	7.409.790.000
Tổng	539.479.495.538	539.479.495.538	397.713.511.735	446.727.517.542	588.493.501.345	588.493.501.345

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Mizuho HCM”) ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 01/3/2021:

Hạn mức tín dụng	: Ngân hàng Mizuho HCM đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
Thời hạn của các khoản vay	: không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn	: Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất:	: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu	: Ngày 25/3/2020. Trừ khi Ngân hàng Mizuho HCM ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
Biện pháp bảo lãnh	: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/029/24 ngày 15/3/2024 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng MUFG HCM”):

Hạn mức tín dụng	: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
Thời hạn của các khoản vay	: không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn	: Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác
Lãi suất:	: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng MUFG HCM
Thời hạn rút vốn	: Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2024 đến ngày 15/3/2025, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng MUFG HCM thông báo khác đi tới Công ty.
Biện pháp bảo đảm	: khoản vay không có tài sản đảm bảo



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Bangkok HCM”) số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay
Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: : Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.
Biện pháp bảo đảm : Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

- (iv) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Mục đích vay : Cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Phương thức trả nợ : Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(v) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 8.400.000 USD
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Ngày hoàn trả đầu tiên : 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

Số tiền cho vay : 2.900.000 USD
Ngày giải ngân : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026
Ngày hoàn trả đầu tiên : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024 (Trình bày lại)	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	(84.767.270.589)	30.188.929.648	320.556.957.275
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	7.129.425.755	(1.790.328.275)	5.339.097.480
Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết	-	-	-	-	1.341.478.942	-	1.341.478.942
Mất kiểm soát Công ty con	-	-	-	-	-	(22.416.304.883)	(22.416.304.883)
Biến động khác	-	-	-	-	2.279.004.220	-	2.279.004.220
Số dư tại ngày 31/12/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	(74.017.361.672)	5.982.296.490	307.100.233.034
Số dư tại ngày 01/1/2025	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	(74.017.361.672)	5.982.296.490	307.100.233.034
Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	3.696.187.809	(168.921.312)	3.527.266.497
Biến động khác	-	-	-	-	(9.567.430)	9.567.432	2
Số dư tại ngày 31/3/2025	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	(70.330.741.293)	5.822.942.610	310.627.499.533



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/3/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000

d. Cổ phiếu

	31/3/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/3/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
Tổng	306.228.116	306.228.116

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

a. Ngoại tệ các loại

	31/3/2025	01/01/2025
Theo giá trị nguyên tệ USD	64.128,59	74.337,88
Theo giá trị tương đương VND	-	1.877.105.808

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/3/2025 VND	01/01/2025 VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Dầu khí Việt Nam			
Công ty Cổ phần Năng Lượng Đất Việt	848.863.238	848.863.238	Năm 2023
Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin	1.199.617.606	1.199.617.606	Năm 2023
Công ty Cổ phần Petrolimex	13.238.290	13.238.290	Năm 2023
Tổng	3.361.719.134	3.361.719.134	

Các khoản nợ khó đòi nêu trên là các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 03 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trên số dư nợ gốc. Công ty tiến hành xóa nợ do đã qua 03 năm kể từ thời điểm trích lập dự phòng 100%, Công ty không thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi này.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán LPG	746.800.990.693	917.074.685.041
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	2.418.860.854	2.887.333.298
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	6.084.448.832	14.618.773.412
Tổng	755.304.300.379	934.580.791.751
<i>Trong đó,</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>172.022.887.567</i>	<i>302.703.428.368</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	17.693.104.690	1.188.157.847
Giảm giá hàng bán	520.152.205	582.629.434
Hàng bán bị trả lại	1.886.506.977	2.083.099.323
Tổng	20.099.763.872	3.853.886.604

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán LPG	726.701.226.821	913.220.798.437
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	2.418.860.854	2.887.333.298
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	6.084.448.832	14.618.773.412
Tổng	735.204.536.507	930.726.905.147

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán LPG	642.174.604.360	836.569.289.107
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	7.876.101.027	12.765.117.584
Tổng	650.050.705.387	849.334.406.691

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.154.406.213	254.117.522
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	878.263.995	1.172.181.807
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.002.738.964
Tổng	2.032.670.208	2.429.038.293
Trong đó,		
<i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</i>	<i>185.323.014</i>	<i>94.726.437</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

6.4 Chi phí tài chính

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.726.497.475	5.386.911.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	333.591.272	2.833.233.527
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	2.900.000	-
Lỗ do mất kiểm soát Công ty con	-	3.229.134.167
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	2.648.645.726
Chi phí tài chính khác	38.710.529	-
Tổng	7.101.699.276	14.097.925.164

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

6.5 Chi phí bán hàng

	Quý 1 năm 2025	(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.445.411.791	21.456.380.547
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.439.720.146	2.771.008.507
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	867.992.856	973.102.921
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.030.299.290	1.196.538.201
Chi phí liên quan đến vỏ bình gas, trong đó:		
+ Chi phí mua vỏ bình gas	8.591.955.224	8.492.327.273
+ Chi phí sơn sửa, kiểm định vỏ bình gas	4.909.289.460	3.876.854.436
+ Chi phí thay van	360.294.484	502.287.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.501.546.717	5.751.723.225
Chi phí bằng tiền khác	9.654.752.531	7.883.359.365
Tổng	54.801.262.499	52.903.581.843

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.055.150.022	7.492.300.607
Chi phí vật liệu quản lý	32.082.886	153.346.147
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.551.577	173.448.445
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.529.216.194	1.668.556.601
Thuế phí và lệ phí	18.600.000	20.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.797.670.113	2.063.030.558
Chi phí bằng tiền khác	2.541.065.464	2.986.530.864
Phân bổ lợi thế thương mại do hợp nhất kinh doanh	145.112.898	1.608.072.732
Phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh cửa hàng LPG	9.099.500.584	8.705.552.868
Tổng	23.317.949.738	24.870.838.822

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

6.7 Lợi nhuận khác

	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.110.104.425	15.924.302
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng và các cửa hàng LPG	656.581.759	-
Các khoản khác	1.704.101.856	1.419.994.316
Tổng	3.470.788.040	1.435.918.618
Chi phí khác		
Chi phí phạt vi phạm hành chính	339.003.188	-
Các khoản khác	-	307.461.068
Tổng	339.003.188	307.461.068
Lợi nhuận khác	3.131.784.852	1.128.457.550

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	997.714.124	-
Tổng	997.714.124	-

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	59.144.971	11.818.174
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	62.000.000	62.000.000
Tổng	121.144.971	73.818.174

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.696.187.809	(7.294.446.912)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	3.696.187.809	(7.294.446.912)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	99	(195)

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.391.597.173	13.065.520.661
Chi phí nhân công	7.055.150.022	7.492.300.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	4.398.544.123	6.923.563.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.456.942.065	11.691.608.219
Chi phí khác bằng tiền	21.313.918.579	19.595.443.097
Tổng	62.616.151.962	58.768.436.446

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các cam kết****a. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày 31/3/2025, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/3/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	5.663.826.000	6.307.426.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	8.467.197.000	5.299.662.000
Trên 05 năm	-	-
Tổng	14.131.023.000	11.607.088.000

b. Cam kết cho thuê hoạt động

Tại ngày 31/3/2025, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/3/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	3.364.363.632	3.364.363.632
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	1.962.545.452	2.523.272.724
Trên 05 năm	-	-
Tổng	5.326.909.084	5.887.636.356

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết
3	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
4	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
6	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
8	Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na (Tên trước đây: Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn)	Công ty con của Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng
13	Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng
14	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)
15	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung	Công ty liên kết
17	Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản lương, tiền thưởng, thù lao, và các khoản thu nhập khác	895.358.087	517.765.036

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)*Chi tiết Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác*

Họ và tên	Chức danh	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
		VND	VND
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch	-	
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên	-	
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên	-	
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập	-	
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập	-	
Tổng		-	-

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức danh	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
		VND	VND
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch	-	
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên	-	
Tổng		-	-

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
		VND	VND
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc	133.545.682	128.290.777
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc	176.026.905	125.856.451
Ông Trần Duy Luân	Người phụ trách quản trị Công ty	321.048.000	134.787.500
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	264.737.500	128.830.308
Tổng		895.358.087	517.765.036

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
Mua hàng			11.827.865.239	3.583.713.814
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Phí bảo lãnh tính dụng	244.884.100	
		Phí bảo hiểm	208.573.104	
		Chi phí khác	1.231.486.328	
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	268.749.000	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, thuê xe	638.236.362	566.803.635
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Phí vận chuyển, chiết nạp	1.043.229.293	1.165.686.056
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.562.235.258	
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	6.944.445	
Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na (Tên trước đây: Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn)	Công ty con của Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	616.042.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	282.481.806	757.975.123
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	6.289.165.677	477.207.000
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	51.879.866	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
<u>Bán hàng</u>			172.022.887.567	302.703.428.368
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	10.578.183.619	16.580.895.980
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG và hàng hóa khác	7.350.324.945	9.711.914.570
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, cho thuê xe	26.989.625.951	
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	23.297.938.841	
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	Bán LPG	32.102.456.957	
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	11.172.982.458	49.367.577.777
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	16.344.661.221	23.126.960.192
Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG và dịch vụ khác	38.023.273.863	33.962.169.486
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	1.272.033.715	169.457.381.493
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung	Công ty liên kết	Bán LPG, cho thuê xe	4.891.405.997	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na (Tên trước đây: Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn)	Công ty con của Công ty liên kết	Bán LPG	-	496.528.870
<u>Giao dịch cho vay</u>				
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay thu hồi	15.000.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay bằng cách chuyển đổi công nợ	6.000.000.000	
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Tiền gốc chi cho vay	-	1.450.000.000
		Tiền gốc cho vay thu hồi	475.000.000	475.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý 1 năm 2025 VND	Quý 1 năm 2024 VND
<u>Doanh thu hoạt động tài chính</u>			185.323.014	94.726.437
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Lãi vay	8.151.782	76.551.780
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Lãi vay	7.890.411	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi vay	26.815.068	18.174.657
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Lãi vay	142.465.753	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		163.411.325.035	201.505.617.902
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	30.502.150.756	30.088.048.777
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	-	7.253.189.744
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	27.367.209.287	22.827.532.205
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	21.879.172.788	14.639.989.743
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	16.960.749.850	21.242.915.418
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	7.150.077.134	33.956.979.087
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	10.831.156.664	8.401.831.451
Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	13.292.094.922	18.705.295.182
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	35.428.713.634	43.934.711.764
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung	Công ty liên kết	-	455.124.531
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>		-	24.995.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	-	24.995.000.000
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		1.817.247.644	560.709.177
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	1.389.154.904	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	-	134.794.520
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	7.890.411	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	17.578.767	9.236.301
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	2.623.562	16.678.356
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	400.000.000	400.000.000
<u>Phải thu khác dài hạn</u>		-	293.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	-	293.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
<u>Phải thu về cho vay</u>		21.187.320.000	30.662.320.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	14.217.320.000	8.217.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	-	475.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1.450.000.000	1.450.000.000
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		113.880.874	814.088.237
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	23.383.069	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	-	347.203.260
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	-	106.272.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	-	203.936.391
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	90.497.805	90.497.805
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung	Công ty liên kết	-	66.178.781
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>		-	1.599.088.419
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	-	1.599.088.419
<u>Phải trả dài hạn khác</u>		11.219.365.000	11.350.716.250
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1.895.880.000	1.895.880.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	5.040.935.000	5.172.286.250
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	4.282.550.000	4.282.550.000

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/3/2025 và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/3/2025 do Công ty lập.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định phân loại lại chi phí phân bổ đối với lợi thế kinh doanh cửa hàng LPG nhằm đảm bảo chính sách kế toán của toàn Công ty được nhất quán, việc phân loại lại làm chi phí bán hàng giảm đi, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên với giá trị là 4.121.048.574 VND.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc




Sakamoto Shinichiro